

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 10/2017/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 23 tháng 3 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định mức thu, quản lý và sử dụng giá dịch vụ trông giữ xe trên địa bàn tỉnh (đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật giá ngày 20/6/2012;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí ngày 25/11/2015;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá; số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013; số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17/02/2014 của Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hoá, dịch vụ;

Theo đề nghị của Sở Tài chính (tại Tờ trình số 252/TTr-STC ngày 23/01/2017); ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp (tại Báo cáo số 06/BC-STP ngày 10/01/2017).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức thu, quản lý và sử dụng giá dịch vụ trông giữ xe trên địa bàn tỉnh (đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước); như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng:

Người có nhu cầu trông giữ xe đạp, xe đạp máy, xe mô tô, xe gắn máy, ô tô tại các điểm đỗ, bãi trông giữ phương tiện phù hợp với quy hoạch và quy định về kết cấu hạ tầng giao thông, đô thị của địa phương.

Các tổ chức, đơn vị, cá nhân được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thu giá dịch vụ trông giữ xe.

2. Mức thu giá dịch vụ:

2.1. Giá dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước:

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức giá
1	Giá dịch vụ trông giữ xe đạp		
1.1	Ban ngày, đêm	đồng/lượt	1.000
STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức giá
1.2	Cả ban ngày và đêm	đồng/lượt	2.000
2	Giá dịch vụ trông giữ xe đạp máy		
2.1	Ban ngày	đồng/lượt	1.500
2.2	Ban đêm	đồng/lượt	2.000
2.3	Cả ban ngày và đêm	đồng/lượt	3.500

3	Giá dịch vụ trông giữ xe mô tô, xe gắn máy		
3.1	Ban ngày	đồng/lượt	2.000
3.2	Ban đêm	đồng/lượt	3.000
3.3	Cả ban ngày và đêm	đồng/lượt	5.000
4	Giá dịch vụ trông giữ xe ô tô		
4.1	Xe 15 chỗ ngồi trở xuống, xe tải nhẹ dưới 3 tấn		
4.1.1	Ban ngày	đồng/lượt	10.000
4.1.2	Ban đêm	đồng/lượt	15.000
4.1.3	Cả ban ngày và đêm	đồng/lượt	25.000
4.2	Xe trên 15 chỗ ngồi, xe tải từ 3 tấn trở lên		
4.2.1	Ban ngày	đồng/lượt	10.000
4.2.2	Ban đêm	đồng/lượt	20.000
4.2.3	Cả ban ngày và đêm	đồng/lượt	30.000

Mức thu theo tháng không quá 20 lần so với mức thu ban ngày.

(Ban ngày từ 6giờ đến 18giờ; ban đêm từ sau 18giờ đến trước 6giờ sáng hôm sau).

2.2. Giá dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước:

Giá dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước do tổ chức, cá nhân thu không quá 1,5 lần so với mức giá qui định đối với giá dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

3. Quản lý và sử dụng giá dịch vụ thu được:

Giá dịch vụ trông giữ xe được xác định là doanh thu của đơn vị thu giá dịch vụ. Đơn vị thu giá dịch vụ có nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của pháp luật đối với số tiền thu được và có quyền quản lý, sử dụng số tiền thu được sau khi đã nộp thuế theo quy định của pháp luật.

Hàng năm, đơn vị thu phí phải thực hiện quyết toán thuế đối với số tiền giá dịch vụ trông giữ xe thu được với kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh khác (nếu có) với cơ quan thuế theo quy định hiện hành.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực từ ngày 05/4/2017.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Chí Hiến

3	Giá dịch vụ trông giữ xe mô tô, xe gắn máy		
3.1	Ban ngày	đồng/lượt	2.000
3.2	Ban đêm	đồng/lượt	3.000
3.3	Cả ban ngày và đêm	đồng/lượt	5.000
4	Giá dịch vụ trông giữ xe ô tô		
4.1	Xe 15 chỗ ngồi trở xuống, xe tải nhẹ dưới 3 tấn		
4.1.1	Ban ngày	đồng/lượt	10.000
4.1.2	Ban đêm	đồng/lượt	15.000
4.1.3	Cả ban ngày và đêm	đồng/lượt	25.000
4.2	Xe trên 15 chỗ ngồi, xe tải từ 3 tấn trở lên		
4.2.1	Ban ngày	đồng/lượt	10.000
4.2.2	Ban đêm	đồng/lượt	20.000
4.2.3	Cả ban ngày và đêm	đồng/lượt	30.000

Mức thu theo tháng không quá 20 lần so với mức thu ban ngày.

(Ban ngày từ 6giờ đến 18giờ; ban đêm từ sau 18giờ đến trước 6giờ sáng hôm sau).

2.2. Giá dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước:

Giá dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước do tổ chức, cá nhân thu không quá 1,5 lần so với mức giá qui định đối với giá dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

3. Quản lý và sử dụng giá dịch vụ thu được:

Giá dịch vụ trông giữ xe được xác định là doanh thu của đơn vị thu giá dịch vụ. Đơn vị thu giá dịch vụ có nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của pháp luật đối với số tiền thu được và có quyền quản lý, sử dụng số tiền thu được sau khi đã nộp thuế theo quy định của pháp luật.

Hàng năm, đơn vị thu phí phải thực hiện quyết toán thuế đối với số tiền giá dịch vụ trông giữ xe thu được với kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh khác (nếu có) với cơ quan thuế theo quy định hiện hành.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực từ ngày 05/4/2017.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Chí Hiến